TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:20/2019/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 25 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Đỗ Thị Thu T, sinh năm 1975. Nơi ĐKHKTT: Tổ A, phường X, quận C, thành phố Hà Nội. Chỗ ở hiện nay: Số Q, đường T, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng.

- Ông Hoyendahl A, sinh năm 1963. Địa chỉ thường trú: Villaveien OSLO, Norway (Na Uy). Chỗ ở hiện nay: Số Z, đường Q, Tổ Z, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng lập ngày 15 tháng 3 năm 2019, các đương sự thống nhất được với nhau về các nội dung cần giải quyết như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thu T và ông Hoyendahl A thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Đỗ Thị Thu T và ông Hoyendahl A xác định có 01 con chung và thỏa thuận như sau:

Giao con chung tên Hoyendahl Leon D, sinh ngày 12/9/2013 cho bà Đỗ Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Hoyendahl A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng, giao tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 25 hàng tháng, kể từ tháng 3 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Thu T và ông Hoyendahl A xác định không có.

[4] Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Thu T và ông Hoyendahl A xác định không có.

[5] Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Thu T và ông Hoyendahl A phải chịu 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà Đỗ Thị Thu Tvà ông Hoyendahl A đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam theo biên lai số: 0000248 ngày 10 tháng 01 năm 2019.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thu T và ông Hoyendahl A thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Đỗ Thị Thu T và ông Hoyendahl A xác định có 01 con chung và thỏa thuận như sau:

Giao con chung tên Hoyendahl Leon D, sinh ngày 12/9/2013 cho bà Đỗ Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Hoyendahl A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng, giao tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 25 hàng tháng, kể từ tháng 3 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Các bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Thu T và ông Hoyendahl A xác định không có.

- Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Thu T và ông Hoyendahl A xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Thu T và ông Hoyendahl A phải chịu 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà Đỗ Thị Thu T và ông Hoyendahl A đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam theo biên lai số: 0000248 ngày 10 tháng 01 năm 2019. Bà Đỗ Thị Thu T và ông Hoyendahl A đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- UBND TP. Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đỗ Thị Thúy Năng